

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS-PT

Ngày: 12-3-2021

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Thẩm phán: Ông Võ Minh Tiến
Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Quang Hải - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2020/TLPT-DS ngày 10/12/2020, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2021/QĐ-PT ngày 22/02/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị P - sinh năm 1965
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N - sinh năm 1969
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Anh M1 - sinh năm 1970
2. Anh Nguyễn Quốc M2 - sinh năm 1999

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Quốc M2: Bà Lê Thị P - sinh năm 1965 (theo văn bản ủy quyền ngày 10/8/2020).

3. Bà Huỳnh Thị G (Tên gọi khác: Mai) - sinh năm 1969

Cùng cư trú tại tổ dân phố L, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị G (Mai) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

(Bà P, ông N, bà G (Mai) có mặt; ông M1 có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2020 (theo dấu công văn đến, Tòa án nhân dân huyện Đ nhận ngày 17/01/2020), đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 03/02/2020, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị P trình bày:*

Xuất phát từ chỗ quen biết nhau do người cùng địa phương, nên vào các ngày 07/03, 09/03 và 22/03/2019 ông Nguyễn Văn N có vay của bà tổng cộng 300.000.000 đồng (mỗi lần vay 100.000.000 đồng), thời hạn vay 03 tháng, hai bên không thỏa thuận mức lãi suất. Ngày 10/04/2019, ông N vay tiếp số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày, hai bên cũng không thỏa thuận mức lãi suất. Mục đích vay theo ông N nói là để mua phí tổn đi biển đánh bắt xa bờ.

Đến thời hạn trả nợ, ông N không trả lại tiền cho bà, mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu. Nay, bà yêu cầu ông Nguyễn Văn N và bà Huỳnh Thị G (tên gọi khác là Mai, vợ của ông N) có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc là 330.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính từ ngày 23/6/2019 đến ngày 11/9/2020 theo mức lãi suất 10%/năm, thành tiền là 39.989.400 đồng, tổng cộng là 369.989.400 đồng. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

** Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 05/3/2020, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Vào đầu năm 2019, do thiếu vốn để trả tiền phí tổn trước chuyến đi biển dài ngày, nên ông nhiều lần vay tiền của anh Nguyễn Quốc M2 (con của bà Lê Thị P) với tổng số tiền là 330.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận mức lãi suất bằng lời nói là 20%/năm. Mỗi lần vay tiền, ông đều có viết giấy mượn tiền, nhưng ông chỉ ghi thông tin của người vay trong các giấy mượn tiền, còn thông tin người cho vay thì anh M2 nói để trống, anh M2 sẽ tự ghi sau. Do mức lãi suất quá cao, nên tháng 9/2019 ông vay tiền Ngân hàng để trả cho anh M2 với tổng số tiền là 726.000.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 330.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 396.000.000 đồng. Khi trả tiền, ông không lấy lại các giấy mượn tiền, cũng không yêu cầu anh M2 viết giấy nhận tiền.

Nay, bà Lê Thị P yêu cầu ông và bà Huỳnh Thị G (Mai) phải trả cho bà P 330.000.000 đồng tiền nợ gốc và 39.989.400 đồng tiền nợ lãi, ông không đồng ý vì ông và bà G (Mai) không vay mượn tiền của bà P. Ông chỉ vay tiền của anh M2 và đã trả nợ cho anh M2 xong.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị G (Mai):* Bà G (Mai) không có văn bản trình bày ý kiến hoặc đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Quốc M2 trình bày:*

Anh là con của bà Lê Thị P. Trước năm 2020 (khoảng năm 2017 - 2018) ở địa phương, ai có nhu cầu vay tiền để buôn bán, kinh doanh thì anh cho vay. Anh có cho ông Nguyễn Văn N vay số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, nhưng sau đó ông N đã trả nợ xong. Từ năm 2019 đến nay, ông N không vay tiền của anh. Việc ông N trình bày vào năm 2019 có vay của anh nhiều lần với số tiền là 330.000.000 đồng là không đúng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Anh M1 trình bày:*

Ông là chồng của bà Lê Thị P. Số tiền mà bà P cho ông Nguyễn Văn N vay là tài sản riêng của bà P, không liên quan đến ông. Do đó, ông đề nghị Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án không triệu tập ông đến Tòa án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và yêu cầu được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm.

** Bản án số 21/2020/DS-ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Đ đã xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P. Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Huỳnh Thị G (Mai) phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị P số tiền nợ gốc là 330.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 39.989.400 đồng, tổng cộng là 369.989.400 đồng (ba trăm sáu mươi chín triệu, chín trăm tám mươi chín ngàn, bốn trăm đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 29/9/2020, bà Huỳnh Thị G (Mai) có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án số 21/2020/DS-ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Tại phiên tòa, bà G (Mai) đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P vì bà và ông N không nợ tiền của bà P.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị G (Mai) đảm bảo theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là hợp lệ, nên chấp nhận.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị G (Mai), giữ nguyên bản án sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Anh M1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị G (Mai), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn N và bà Huỳnh Thị G (Mai) đều thừa nhận vào các ngày 07, 09, 22/3 và ngày 10/4/2019, ông N có viết các Giấy mượn tiền (bút lục 73 – 76) với tổng số tiền 330.000.000 đồng, nhưng ông N và bà G (Mai) cho rằng ông, bà chỉ mượn tiền của anh Nguyễn Quốc M2 (con của bà P) và đã thanh toán xong; ông, bà không mượn tiền của bà P nên không đồng ý trả nợ cho bà P. Ông N và bà G (Mai) còn cho rằng khi ông N viết các Giấy mượn tiền nói trên, ông chỉ điền những thông tin của người vay tiền, còn thông tin của người cho vay, ông để trống. Bà P thừa nhận thông tin của người vay tiền là do ông N viết, còn thông tin của người cho vay là do bà viết tại thời điểm ông N viết các Giấy mượn tiền cho chính xác, chứ không để trống như ông N trình bày. Tuy nhiên, ông N và bà G (Mai) không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông, bà là có căn cứ và hợp pháp; bà P cũng không thừa nhận lời trình bày của ông N, bà G (Mai). Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21/5/2020 (bút lục 56, 57) và ngày 20/7/2020 (bút lục 54), anh M2 xác định từ đầu năm 2019 đến nay, anh không cho ông N vay số tiền 330.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông N, bà G (Mai) phải có nghĩa vụ trả cho bà P 330.000.000 đồng tiền nợ gốc và 39.989.400 đồng tiền nợ lãi (tiền lãi tính từ ngày 23/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/9/2020) là 14 tháng 18 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng là có căn cứ, đúng pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà G (Mai).

[2.2] Về án phí: Bà G (Mai) phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

[2.3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị G (Mai). Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P. Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Huỳnh Thị G (Mai) phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị P số tiền nợ gốc là 330.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 39.989.400 đồng, tổng cộng là 369.989.400 đồng (*ba trăm sáu mươi chín triệu, chín trăm tám mươi chín ngàn, bốn trăm*).

2. Về án phí: Bà Lê Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị P 9.050.000 đồng (*chín triệu, không trăm năm mươi ngàn*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2018/0002785 ngày 14/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Nguyễn Văn N và bà Huỳnh Thị G (Mai) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.499.470 đồng (*mười tám triệu, bốn trăm chín mươi chín ngàn, bốn trăm bảy mươi*).

Bà Huỳnh Thị G (Mai) phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) theo biên lai số AA/2018/0004659 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ. Bà G (Mai) đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thị xã Đ;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Thị Thu Lan